

Bản án số: 56/2025/HS-PT

Ngày: 16 - 4 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Bá Kha**

Ông **Trương Ngọc Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Quý** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Huỳnh Thị Cẩm Loan** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 204/2025/TLPT-HS ngày 19 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Đoàn H, do có kháng cáo của bị cáo và những người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 171/2024/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo: **Nguyễn Đoàn H**, sinh năm 1982 tại H, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Bạch H1; vợ: Lê Thanh T1; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2010 và nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Không, tiền sự: Vào ngày 19/11/2018 bị Công an thị trấn (nay phường D) xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000đ về hành vi đánh nhau. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Luật sư Đoàn Công T2 - Đoàn Luật sư tỉnh K (có mặt).

2. Luật sư Lê Hồng Q – Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

- Người bị hại:

1. Chị Lê Thị C, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ F, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tô F, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Dương Văn H2, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

5. Anh Phạm Thanh P, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

7. Anh Nguyễn Trọng T4, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

8. Anh Trần Thanh N, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

9. Anh Tạ Quang T5, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Khu F, xã C, T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

10. Chị Trần Tuyết N1, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- **Người đại diện theo ủy quyền của chị C, anh V:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố F, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- **Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị C:**

Luật sư Phạm Thị N2 - Văn phòng L1 - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

Luật sư Đặng Thanh S - Văn phòng L2, Chi nhánh D1 - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

*** Người làm chứng:**

1. Anh Bùi Anh V1, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp D, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Trần Việt H4, sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

3. Ông Trần Văn C1, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu phố F, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

4. Anh Trần Phi T6, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

5. Anh Võ Minh P1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

6. Chị Trương Thị T7, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

7. Anh Lê Văn H5, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

8. Anh Phùng Trung N3, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, Thành phố Hà Nội.

9. Anh Nguyễn Đình T8, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

10. Anh Trương Anh T9, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

11. Ông Trần Văn S1, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp L, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

12. Ông Võ Tấn Đ1, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp R, xã H, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

13. Ông Huỳnh Văn T10, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số D, đường N, Khu phố A, phường D, Tp ., tỉnh Kiên Giang.

(Tất cả người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 28-12-2018, bà Lê Thị C và Nguyễn Đoàn H làm hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, H cho bà C thuê thửa đất tọa lạc tại ấp Ông L, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang (nay là thành phố P, tỉnh Kiên Giang). Thời hạn thuê đất là 07 năm, kể từ ngày hợp đồng được công chứng; giá thuê đất bà C thanh toán cho H là 3.000.000.000 đồng/năm đối với 02 năm đầu, 05 năm cuối mỗi năm tiền thuê tăng 10% theo hướng tăng dần của từng năm, bà C đặt tiền cọc cho H là 1.500.000.000 đồng; phương thức thanh toán mỗi năm thanh toán một lần tiền thuê của từng năm, thời hạn thanh toán từ ngày 01 tháng 02 đến cuối tháng 02 của mỗi năm. Khi cho thuê, trên đất H xây dựng resort đã xong phần thô, tường rào và bàn giao cho bà C, một số hạng mục do bà C tự bỏ tiền để đầu tư xây dựng, sau khi xây dựng xong bà C mua các nội thất bao gồm: Tivi, tủ lạnh, máy lạnh, máy nước nóng, giường, nệm...để trang bị cho 49 phòng trong resort. Sau đó, bà C đăng ký kinh doanh với tên là Công ty TNHH MTV L3.

Khoảng 08 giờ, ngày 16-02-2020, R đang hoạt động thì H thuê nhân viên Công ty B đi cùng với 02 - 03 người (chưa rõ nhân thân) đến R, lúc này anh Nguyễn Thanh V (chồng bà C) và các nhân viên có mặt tại R, bà C đang ở Thành phố Hồ Chí Minh. H đến gặp những nhân viên được bà C bố trí chỗ ở trong Resort chửi bới lớn tiếng, đuổi tất cả đi khỏi Resort sau 22 giờ.

H trực tiếp đi vào phòng ở của anh Dương Văn H2, chị Nguyễn Thị T3, bé Dương Thị Như N4 (04 tuổi) trong dãy nhà nhân viên đuổi anh H2, chị T3, do lo sợ nên anh H2, chị T3 thu dọn toàn bộ đồ dùng sinh hoạt, dẫn bé N4 đi khỏi R và thuê phòng trọ của anh Phạm Văn N5 tại xã G để ở; Những người làm việc còn lại được bà C bố trí chỗ ở trong Resort tại dãy nhà nhân viên gồm: anh Tạ Quang T5, chị Nguyễn Thị H3, chị Trần Tuyết N1, anh Trần Thanh N, anh Phạm Thanh P và anh Nguyễn Trọng T4 ở phòng R101, sau khi hết giờ làm việc cũng dọn đồ dùng sinh hoạt đi ra khỏi chỗ ở của mình, anh T5 đến thuê phòng trọ của bà Trần Thị Thu H6 ở, chị H3 đến thuê phòng trọ của ông Trương Hoài T11 ở, chị N1 đến thuê phòng trọ của bà Nguyễn Thị D ở, anh N đến ở nhờ nhà ông Lý Thanh C2, anh P đến ở nhờ nhà bà Đinh Thị H7, còn anh T4 đến Bungalow T12 để ở, đến sáng hôm sau mới trở vào trong Resort để làm việc, riêng anh V vẫn ở lại R.

H dùng ổ khóa để khóa cổng sau của R, yêu cầu bảo vệ ở lại trực tại cổng chính của R để giám sát, kiểm tra nhân viên khi đi ra khỏi Resort, rồi H ra về. Từ ngày 17-02-2020 đến ngày 22-02-2020, H đều đến R và nói là sẽ lấy lại Resort không cho bà C thuê nữa, H tiếp tục yêu cầu bảo vệ gồm các ông: Trần Văn C1, Võ Tấn Đ1, Trần Văn S1 và Nguyễn P2, trực giám sát, kiểm tra nhân viên khi đi ra khỏi Resort, còn nhân viên làm việc trong Resort sau 22 giờ phải rời khỏi, không được ở lại trong Resort, chỉ có anh V, bà C vẫn ở lại Resort tại phòng số 406.

Đến khoảng 08 giờ, ngày 23-02-2020, H đến R cùng với khoảng 02 – 03 người (chưa xác định nhân thân) và gọi điện thoại kêu bảo vệ công ty B gồm có ông: Bùi Anh V1, Trần Việt H4, Trần Văn S1, đến R. H đi xung quanh Resort lớn tiếng chửi bới, đuổi tất cả nhân viên làm việc tại R và khách đang lưu trú tại đây ra khỏi để H lấy lại Resort. H đến gặp chị Trần Tuyết N1 là lễ tân của R yêu cầu đưa lại tất cả chìa khóa phòng cho H, N1 trả lời là chìa khóa đã đưa cho khách, N1 không có giữ thì H dùng tay tát mạnh vào mặt N1 làm N1 té ngã xuống đất, được anh Tạ Quang T5 đỡ đứng dậy N1 bỏ chạy và quăng bỏ chùm chìa khóa vô cạnh máy phát điện trong Resort, lúc này có một người nam thanh niên (chưa rõ nhân thân) lấy được chìa khóa đưa lại cho H.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, anh Trương Anh T9 là Công an viên xã C đến R, H yêu cầu anh T9, anh V1 cùng đi vào các phòng trong R để kiểm tra tài sản, sau đó H sử dụng chìa khóa mở cửa các phòng trong R, rồi đi vào chỉ cho anh T9 việc mất tivi, tổng cộng H vào kiểm tra 14 phòng trong R, trong đó có phòng R101 phòng ở của anh Nguyễn Trọng T4 và các phòng: R102, R108, R204, R202, R105, R103, R104, R107, R106, R109, R201, R203, R207.

Tất cả nhân viên của R do sợ H, nên thu dọn toàn bộ đồ đạc cá nhân bỏ đi khỏi R, 21 khách nước ngoài đang thuê phòng ở tại R bị đuổi được chị H3, anh T5 bố trí dời qua Palm Hill Resort do chị Lâm Thị Hoàng H8 làm quản lý và P D do anh Trần Hữu A làm quản lý. Sau đó, H thuê anh Lê Văn H5, ông Huỳnh Văn T10 tiến hành làm hàng rào bằng kim loại bao quanh toàn bộ Resort, không cho ai ra vào.

Bà C và anh V1 được nhân viên cho hay H đến lấy lại R và đánh N1 nên không dám vào lại R. H cho ông Nguyễn Hoàng M, bà Phạm Thị K ở trước Resort trông coi cho H cho đến nay. Ngày 07-9-2020, Nguyễn Đoàn Hậu bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện (nay thành phố) P khởi tố để điều tra

***Trách nhiệm dân sự:** Sau khi vụ án xảy ra, bà Lê Thị C không yêu cầu bồi thường chung trong vụ án này mà đã khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu bồi thường tài sản được Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý. Những người còn lại gồm anh Nguyễn Thanh V, anh Dương Văn H2, chị Nguyễn Thị T3, anh Phạm Thanh P, chị Nguyễn Thị H3, anh Trần Thanh N, anh Tạ Quang T5, anh Nguyễn Trọng T4, chị Trần Tuyết N1 không yêu cầu bồi thường nên không đề nghị xem xét.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 171/2024/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 158; điểm i, khoản 1, Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đoàn H 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác”

- Giao bị cáo Nguyễn Đoàn H cho Ủy ban nhân dân phường D quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo không có thu nhập ổn định, nên HĐXX không khấu trừ thu nhập.

* Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, riêng bị hại C đã có tranh chấp với bị cáo H về phần dân sự trong vụ án thụ lý số: 189/2020/TB-TLVA ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố P, HĐXX miễn xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 13/11/2024, bị cáo Nguyễn Đoàn H kháng cáo kêu oan, cho rằng bị cáo không phạm tội Xâm phạm chỗ ở người khác.

Ngày 15/11/2024, các bị hại Tạ Quang T5, Nguyễn Thị H3, Trần Thanh N, Trần Tuyết N1, Nguyễn Trọng T4, Dương Văn H2, Nguyễn Thị T3 và người đại diện của các bị hại Nguyễn Thanh V, Lê Thị C là ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo yêu cầu xét xử bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 158 BLHS 2015 và tăng hình phạt đối với bị cáo.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội xâm phạm chỗ ở của người khác là đúng tội danh của bị cáo, tuy nhiên, xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 158 BLHS là chưa phù hợp, vì hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội và bị cáo thực hiện nhiều lần nên hành vi của bị cáo đã phạm vào điểm c, đ khoản 2 Điều 158 Bộ luật hình sự. Do đó, đề nghị HĐXX:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đoàn H,

- Chấp nhận kháng cáo của các bị hại Tạ Quang T5, Nguyễn Thị H3, Trần Thanh N, Trần Tuyết N1, Nguyễn Trọng T4, Dương Văn H2, Nguyễn Thị T3 và người đại diện của các bị hại Nguyễn Thanh V, Lê Thị C là ông Nguyễn Văn Đ.

Tăng khung hình phạt đối với bị cáo từ điểm b khoản 1 Điều 158 BLHS lên các điểm c, đ khoản 2 Điều 158 BLHS 2015 và tăng mức án của bị cáo lên từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

*** Luật sư Q bào chữa cho bị cáo H phát biểu:** Bị cáo không thực hiện các hành vi như chửi bới, đuổi đánh người khác ra khỏi chỗ ở, Việc khởi tố bị cáo đang hình sự hoá mối quan hệ dân sự. Bị cáo cho thuê tài sản nhằm mục đích kinh doanh không phải để ở. Resot được công ty L4 (hiện đã giải thể) chứ không phải bà C kinh doanh. Khi bị cáo gọi cho bà C, bà C nói không kinh doanh nữa, bà C cũng đã xác nhận nên không cần phải chứng minh. Để bảo vệ quyền lợi của mình thì bị cáo đã thuê người rào cửa; thông báo với công an để ghi nhận sự việc và tìm kiếm bà C để xác định sự việc. Lời khai của bị hại và người làm chứng có dấu hiệu gian dối, lời khai bị hại không đúng sự thật khách quan... dẫn đến vi phạm tố tụng; đây là tranh chấp hợp đồng dân sự, chủ thể bị xâm phạm là công ty L3, các nhân viên L3 không phải là bị hại. Mục đích thuê để kinh doanh chứ không phải ở, nếu bị cáo có sai thì là xâm phạm hoạt động kinh doanh, mục đích H bảo vệ quyền tài sản của mình. Chưa từng có chứng cứ nào thể hiện hành vi của bị cáo gây mất trật tự, làm cho khách lưu trú hoang mang, bị cáo cũng không bị xử phạt về việc gây mất trật tự, Không có chứng cứ nào thể hiện bị cáo chửi, đuổi, la lớn bị hại. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo, tránh oan sai.

Luật sư T2 phát biểu quan điểm: Căn cứ để cấp sơ thẩm buộc tội bị cáo là căn cứ vào lời khai của người bị hại, người làm chứng nhưng các lời khai này

chưa được kiểm chứng. Bà C thuê R1 của H nhằm mục đích cho khách thuê phòng lưu trú, đây chỉ được xem là chỗ ở của khách vắng lai. H chỉ phạm tội khi đuổi khách thuê phòng ra khỏi L3. Nếu bà C có cho nhân viên ở thì H cũng không xác định được nhân viên ở phòng nào, việc các nhân viên ở trong Resort cũng không hợp pháp, nên hành vi của H không vi phạm pháp luật. H thuê người trông coi, canh giữ là nhằm mục đích bảo vệ tài sản của mình, không có hành vi đuổi người ra khỏi chỗ ở. Đây là một vụ án dân sự. Đề nghị tuyên bị cáo không phạm tội.

Luật sư N2 phát biểu quan điểm: Thống nhất quan điểm của VKS về đề nghị tội danh và điều khoản áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo đã tự ý đến gây cản trở hoạt động kinh doanh của bà C. Từ việc tranh chấp hợp đồng nhưng các bên không thương lượng giải quyết được, nên bị cáo đã có hành vi xâm phạm chỗ ở (Resort) do bà C quản lý. Đề nghị HĐXX chấp nhận đề nghị của VKS, chấp nhận kháng cáo của các bị hại, chuyển khung hình phạt của bị cáo sang khoản 2 và xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn.

Luật sư S phát biểu quan điểm: Hoàn toàn đồng ý quan điểm của Viện kiểm sát và của Luật sư N2, không thống nhất quan điểm của người bào chữa cho bị cáo. Đề nghị bác kháng cáo của bị cáo, chấp nhận kháng cáo của bị hại và tuyên bị cáo phạm tội theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 158 BLHS, tăng hình phạt bị cáo phù hợp với mức độ, hậu quả bị cáo đã gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo, các bị hại về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Vào ngày 28-12-2018 bị cáo Nguyễn Đoàn H ký hợp đồng cho bà Lê Thị C thuê quyền sử dụng đất, để kinh doanh R tại ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Sau đó, bà C có thành lập Công ty TNHH Một Thành Viên L3 do bà C làm đại diện theo pháp luật (đã giải thể vào ngày 19-01-2022). Bà C có thuê nhiều nhân viên để làm việc tại R và bố trí phòng cho ở lại Resort để ngủ nghỉ hàng ngày, thuận tiện cho công việc.

Vì cho rằng bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng, nên vào ngày 16-02-2020, bị cáo H thuê nhiều nhân viên Bảo vệ Trung Kiên đi vào Resort của bà C, H trực tiếp đi vào phòng ở của anh Dương Văn H2, chị Nguyễn Thị T3, bé

Dương Thị Như N4 (04 tuổi) đuổi anh H2, chị T3 ra khỏi Resort, do sợ H nên anh H2, chị T3 thu dọn toàn bộ đồ dùng sinh hoạt, dẫn bé N4 đi khỏi; những nhân viên còn lại gồm: Anh Tạ Quang T5, chị Nguyễn Thị H3, chị Trần Tuyết N1, anh Trần Thanh N, anh Phạm Thanh P và anh Nguyễn Trọng T4, bị H đuổi nên sau 22 giờ đã dọn đồ dùng sinh hoạt đi ra khỏi chỗ ở của mình mà trước đó đã được bà C bố trí cho ở. Từ ngày 17-02-2020 đến ngày 22-02-2020, bị cáo H nhiều lần đến Resort chửi bới, tiếp tục yêu cầu bảo vệ trực giám sát, kiểm tra nhân viên khi họ đi khỏi Resort, nhân viên làm việc trong Resort sau 22 giờ phải rời khỏi, không được ở lại. Đến khoảng 08 giờ ngày 23-02-2020, H đuổi tất cả nhân viên ra khỏi Resort không cho tiếp tục làm việc, đuổi 21 khách đang thuê phòng ở và vợ chồng bà C, anh V ra khỏi R, H đến gặp chị Trần Tuyết N1 là lễ tân của R yêu cầu đưa lại tất cả chìa khóa phòng cho H, N1 trả lời là chìa khóa đã đưa cho khách, N1 không có giữ thì H dùng tay tát mạnh vào mặt N1 làm N1 té ngã xuống đất; H trực tiếp đi vào 14 phòng trong R để kiểm tra tài sản, sau đó thuê người làm hàng rào bao quanh toàn bộ Resort, không cho ai ra vào cho đến nay.

Do đó, Cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo H về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” theo quy định tại khoản 1 Điều 158 BLHS.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo và các bị hại.

[2.1] Bị cáo H kháng cáo kêu oan, cho rằng bị cáo không phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và kèm theo là hợp đồng ba bên giữa bà C, bị cáo và nhà thầu thi công Resort (Resort được bị cáo xây xong phần thô) thì bà C thành lập công ty L5 để kinh doanh dịch vụ cho khách lưu trú, đồng thời thuê thêm nhiều nhân viên để phục vụ hoạt động kinh doanh. Để thuận tiện cho công việc của nhân viên, bà C đã bố trí phòng ở cho các nhân viên ở trong phạm vi Resort đã được ký kết với bị cáo H.

Tuy nhiên, trong thời gian từ ngày 16/02/2020 đến ngày 23/02/2020, trong khi R vẫn đang hoạt động bình thường, đang có nhiều du khách nước ngoài lưu trú, bị cáo H đã thuê thêm nhiều nhân viên bảo vệ của Công ty B đến Resort của bà C. Tại đây, bị cáo đã có các hành vi vào trực tiếp phòng của anh Dương Văn H2, chị Nguyễn Thị T3 đuổi họ cùng với con nhỏ ra khỏi Resort và lớn tiếng la hét, chửi bới, đuổi các nhân viên đang sinh sống và làm việc phải dọn ra ngoài Resort sau 22 giờ đêm. Do hoảng sợ và lo lắng sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng nên các bị hại đã dọn ra ngoài thuê chỗ ở khác và quay lại R làm việc vào ngày hôm sau. Bị cáo H còn hợp đồng với Công ty B thuê nhiều nhân viên bảo vệ đến trực tiếp canh gác, kiểm soát hoạt động của các nhân viên đang làm việc tại Resort khi họ ra vào R. Đỉnh điểm nhất là vào ngày 23/02/2020, H tiếp tục đến

Resort chửi bới, lớn tiếng, yêu cầu lễ tân đưa chìa khoá các phòng cho bị cáo, nhưng không được nên bị cáo đã dùng vũ lực tát mạnh vào mặt nhân viên lễ tân bà Tuyết N1, làm cho bà N1 té ngã; sau đó lấy chìa khoá trực tiếp đi vào 14 phòng trong R để kiểm tra tài sản, đồng thời đuổi tất cả các nhân viên cùng 21 khách lưu trú ra khỏi Resort, không cho các nhân viên tiếp tục làm việc. Bên cạnh đó, bị cáo còn thuê người làm hàng rào bao quanh Resort, không cho ai ra vào và từ đó về sau không có ai dám quay lại R để ở hay làm việc nữa.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo cho rằng vì bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán và bà C có gọi điện thông báo với bị cáo về việc dừng kinh doanh R và để người khác kinh doanh, nên bị cáo mới đến Resort tìm bà C để giải quyết sự việc, bị cáo không có hành vi chửi bới hay vào phòng nhân viên để đuổi họ ra khỏi mà bị cáo chỉ thuê bảo vệ đến để canh giữ và kiểm tra xem có ai lấy tài sản của R thì báo cho bị cáo để bị cáo báo chính quyền xuống ghi nhận sự việc. Tuy nhiên, qua lời khai của tất cả các bị hại, cũng như người làm chứng có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị hại tại phiên toà phúc thẩm đều thể hiện: Khi đến Resort bị cáo có thái độ rất hung hăng, chửi bới lớn tiếng, rồi đuổi các nhân viên làm cho họ cũng như khách đang lưu trú hoang mang, lo sợ nên phải dọn đồ đi. Tại phiên toà phúc thẩm, bản thân bị cáo H cũng thừa nhận, vào các ngày 16, ngày 22 và ngày 23 bị cáo H có đến Resort của bà C; còn lời khai của các bị hại cho rằng từ ngày 16 đến ngày 23/02/2020, bị cáo H liên tục ngày nào cũng đến R để chửi bới và đuổi các bị hại ra khỏi Resort.

Xét thấy, hành vi của bị cáo đến R do bà C quản lý la hét lớn tiếng, chửi bới, hăm dọa, tát vào mặt nhân viên lễ tân khách sạn, trực tiếp vào phòng anh H2, chị T3 đuổi họ ra khỏi phòng, không cho các nhân viên ở lại Resort sau 22 giờ hàng ngày làm cho các nhân viên khách sạn lo sợ nên phải chuyển đi chỗ khác để ở và làm việc, làm cho khách đang lưu trú tại Resort hoang mang, lo sợ, bỏ chạy. Hành vi của bị cáo diễn ra trong nhiều ngày, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội, khách lưu trú phần lớn là người nước ngoài, hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến nhận thức của du khách nước ngoài đối với ngành du lịch P, tỉnh Kiên Giang nói riêng và Việt Nam nói chung.

Do đó, HĐXX có đủ căn cứ để kết luận: Hành vi của bị cáo Nguyễn Đoàn H đã vào phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” theo vào quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 158 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 với hai tình tiết định khung phạm tội 02 lần trở lên và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Việc cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” là đúng tội danh của bị cáo, không oan cho bị cáo. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 158 BLHS là chưa đúng quy định pháp luật, chưa

đúng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, kháng cáo kêu oan của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận, kháng cáo của bị hại yêu cầu xử phạt bị cáo theo khoản 2 Điều 158 BLHS là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với kháng cáo của bị hại về hình phạt của bị cáo:

Xét về nhân thân, bị cáo là người có nhân thân xấu, đang có một tiền sự bị xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi đánh nhau từ năm 2018 đến nay, bị cáo chưa chấp hành việc nộp phạt, nhưng cấp sơ thẩm lại nhận định bị cáo có nhân thân tốt, từ đó xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ là không phù hợp, không tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo và vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật.

Đối với tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS mà cấp sơ thẩm đã áp dụng làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, HĐXX phúc thẩm nhận thấy: Do bị cáo phạm tội ở khoản 2 Điều 158 BLHS (tội phạm có tính chất nghiêm trọng) nên HĐXX phúc thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo như cấp sơ thẩm đã áp dụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên HĐXX không áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo là thỏa đáng.

Về tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này, bị cáo không có mâu thuẫn với bị hại N1 nhưng bị cáo đã có hành vi dùng tay đánh vào mặt bị hại N1, làm N1 té ngã mạnh xuống nền đất, điều này thể hiện bản chất hung hăng, côn đồ ở bị cáo nên cần áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội có tính chất côn đồ, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo là cần thiết.

HĐXX xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm chỗ ở của những người bị hại một cách trái pháp luật, gây ra nỗi sợ hãi, hoang mang, lo lắng cho người bị hại, ảnh hưởng đến công việc và cuộc sống bình thường của họ; đồng thời còn gây mất an ninh trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cái nhìn của du khách quốc tế khi đến với đất nước Việt Nam. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tính giáo dục, răn đe đối với bị cáo, đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; chấp nhận kháng cáo của các bị hại, sửa bản án sơ thẩm theo hướng xử phạt bị cáo theo điểm c, đ khoản 2 Điều 158 BLHS và chuyển hình phạt của bị cáo sang hình phạt tù có thời hạn.

[3] Xét đề nghị của các Luật sư:

Đối với hai Luật sư T2 và Luật sư Q bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội, vì bà C thuê Resort của bị cáo mục đích là kinh doanh chứ không phải để ở, đồng thời khi bị cáo H yêu cầu các nhân viên rời khỏi R cũng không xác định được vị trí từng phòng ở của các nhân viên L3 nên không thể cho rằng đây là chỗ ở hợp pháp của họ; hành vi của bị cáo H là nhằm bảo vệ tài sản hợp pháp của bị cáo, vì bà C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với bị cáo... Xét thấy, việc bà C thuê R của bị cáo để kinh doanh và có đăng ký với chính quyền địa phương, để phục vụ cho việc kinh doanh bà C đã thuê nhân viên làm việc và bà C có quyền bố trí cho nhân viên của mình ở tại chỗ làm, nên đó vẫn được coi là chỗ ở hợp pháp của họ theo quy định tại khoản 10, Điều 2 của Luật cư trú. Việc bà C không tiếp tục đăng ký tạm trú cho nhân viên là vi phạm thì bà C sẽ bị xử lý hành chính theo quy định. Bị cáo H thực hiện hành vi khi mà thời hạn hợp đồng thuê Resort giữa bà C và bị cáo vẫn đang còn, R vẫn đang hoạt động bình thường thì tất cả các tài sản trong Resort vẫn còn thuộc quyền quản lý của bà C, cho nên việc các Luật sư cho rằng hành vi của bị cáo chỉ nhằm mục đích bảo vệ tài sản là không có căn cứ.

Đối với Luật sư S và Luật sư N2, đề nghị chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại C, V, tăng khung hình phạt và tăng mức án của bị cáo là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; các điều 11, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm

[5] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a, c khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đoàn H;
- Chấp nhận kháng cáo của các bị hại Tạ Quang T5, Nguyễn Thị H3, Trần Thanh N, Trần Tuyết N1, Nguyễn Trọng T4, Dương Văn H2, Nguyễn Thị T3 và người đại diện của các bị hại Nguyễn Thanh V, Lê Thị C là ông Nguyễn Văn Đ.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 171/2024/HS-ST ngày 30/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Áp dụng điểm c và d khoản 2 Điều 158; điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đoàn H - 02 (Hai) năm tù về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác”**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

3. Về án phí phúc thẩm, căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu **200.000đ** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1); Bị hại (10);
- CQĐT Tp P (1);
- VKS Tp P (1);
- Tòa án Tp P (1);
- Chi cục THADS Tp P (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Quang